BỆNH VIỆN ĐA KHOA MINH HÓA

*Khoa YHCT*

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ MỘT SỐ BỆNH CƠ BẢN**

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ VIÊM KHỚP**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương

- Gia giảm theo từng thể bệnh

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống sau khi ăn 30-40 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày.

**\*.Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Thương truật* | *20* |
| *2* | *Ngưu tất* | *20* |
| *3* | *Xuyên khung* | *20* |
| *4* | *Thổ phục linh* | *20* |
| *5* | *Thạch xương bồ* | *20* |
| *6* | *Một dược* | *20* |
| *7* | *Thỏ ty tử* | *16* |
| *8* | *Nhủ hương* | *16* |
| *9* | *Khiếm thực* | *16* |
| *10* | *Phòng phong* | *16* |
| *11* | *Thiên niên kiện* | *16* |
| *12* | *Táo nhân* | *16* |
| *13* | *Liên nhục* | *16* |
| *14* | *Cốt toái bổ* | *16* |
| *15* | *Kê huyết đằng* | *16* |
| *16* | *Đẳng sâm* | *16* |
| *17* | *Ý dĩ* | *12* |
| *18* | *Bạch truật* | *12* |
| *19* | *Bạch thược* | *12* |
| *20* | *Bạch chỉ* | *12* |
| *21* | *Thục địa* | *12* |
| *22* | *Ba kích* | *12* |
| *23* | *Cam thảo* | *08* |
| *24* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1. A thị huyệt 4. Thận du
2. Huyệt tại chổ (khớp đau) 5. Dương lăng tuyền
3. Can du 6. Huyền chung

- Kết hợp thủy châm các huyệt tại trên.

 + VitaminB12 1000mcg

 + Lidocain 0,04g 2ml.

- Thể cấp tính có thể kết hợp giảm đau, chống viêm.

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ VIÊM THẦN KINH TỌA**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương .

 - Gia giảm theo từng thể bệnh

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống trước khi ăn 20-30 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày

***\*.* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Đỗ trọng* | *20* |
| *2* | *Độc hoạt* | *20* |
| *3* | *Tục đoạn* | *20* |
| *4* | *Hà thủ ô* | *20* |
| *5* | *Tang ký sinh* | *20* |
| *6* | *Tế tân* | *16* |
| *7* | *Thổ phục linh* | *16* |
| *8* | *Ngưu tất* | *16* |
| *9* | *Phòng phong* | *16* |
| *10* | *Đẳng sâm* | *16* |
| *11* | *Xuyên khung* | *16* |
| *12* | *Bạch truật* | *16* |
| *13* | *Táo nhân* | *16* |
| *14* | *Liên nhục* | *16* |
| *15* | *Đương quy* | *16* |
| *16* | *Tần giao* | *16* |
| *17* | *Phá cổ chỉ* | *16* |
| *18* | *Ngũ gia bì* | *12* |
| *19* | *Sinh địa* | *12* |
| *20* | *Cẩu tích* | *12* |
| *21* | *Bạch thược* | *12* |
| *22* | *Quế chi* | *12* |
| *23* | *Cam thảo* | *08* |
| *24* | *Đại táo* | *10* |

- Thể cấp tính có thể kết hợp thêm thuốc giảm đau.

**Điện châm các huyệt:**

1. A thị huyệt
2. Thận du
3. Đại trường du
4. Giáp tích
5. Hoàn khiêu
6. Thừa phù
7. Ân môn
8. Ủy trung
9. Dương lăng tuyền

10.Phong long

11.Thừa sơn

12.Huyền chung

13.Tam âm giao

14.Côn lôn

*\* Gia giảm thay đổi theo đường kinh bị tổn thương*

 **PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ VIÊM THẦN KINH CÁNH TAY**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương .

 - Gia giảm theo từng thể bệnh

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống sau khi ăn 30-40 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày.

**\* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Phòng phong* | *20* |
| *2* | *Tang ký sinh* | *20* |
| *3* | *Khương hoạt* | *20* |
| *4* | *Bạch chỉ* | *20* |
| *5* | *Cốt toái bổ* | *20* |
| *6* | *Đẳng sâm* | *20* |
| *7* | *Đương quy* | *16* |
| *8* | *Bạch truật* | *16* |
| *9* | *Xuyên khung* | *16* |
| *10* | *Hoàng kỳ* | *16* |
| *11* | *Táo nhân* | *16* |
| *12* | *Ngũ gia bì* | *16* |
| *13* | *Bạch thược* | *16* |
| *14* | *Bạch linh* | *16* |
| *15* | *Câu kỷ tử* | *16* |
| *16* | *Mạch nha* | *12* |
| *17* | *Thạch xương bồ* | *12* |
| *18* | *Kê huyết đằng* | *12* |
| *19* | *Sinh địa* | *12* |
| *20* | *Tế tân* | *12* |
| *21* | *Tần giao* | *12* |
| *22* | *Quế chi* | *08* |
| *23* | *Cam thảo* | *08* |
| *24* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1.A thị huyệt

2.Phong môn

3.Kiên tỉnh

4.Kiên ngung

5.Tý nhu

6.Khúc trì

7.Thủ tam lý

8.Ngoại quan

9.Bát tà

- Kết hợp thủy châm các huyệt trên:

 + VitaminB12 1000mcg

 + Lidocain 0,04g 2ml.

*\* Gia giảm thay đổi theo đường kinh bị tổn thương.*

 **PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ SUY NHƯỢC CƠ THỂ**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương.

- Gia giảm theo từng thể bệnh.

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống trước khi ăn 20-30 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày.

**\* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Đẳng sâm* | *20* |
| *2* | *Bạch truật* | *20* |
| *3* | *Bạch thược* | *20* |
| *4* | *Đương quy* | *20* |
| *5* | *Tam thất* | *20* |
| *6* | *Liên nhục* | *20* |
| *7* | *Thạch xương bồ* | *16* |
| *8* | *Sơn tra* | *16* |
| *9* | *Hoài sơn* | *16* |
| *10* | *Hà thủ ô* | *16* |
| *11* | *Xuyên khung* | *16* |
| *12* | *Sơn thù nam* | *16* |
| *13* | *Long nhãn* | *16* |
| *14* | *Mạch nha* | *16* |
| *15* | *Bách bộ* | *16* |
| *16* | *Hoàng kỳ* | *16* |
| *17* | *Viễn chí* | *12* |
| *18* | *Phục thần* | *12* |
| *19* | *Bạch linh* | *12* |
| *20* | *Táo nhân* | *12* |
| *21* | *Thục địa* | *12* |
| *22* | *Cam thảo* | *08* |
| *23* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1.Tỳ du 4.Huyết hải

2.Vị du 5.Túc tam lý

3.Tâm du

 *\*Gia giảm theo từng mức độ bệnh*

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ DI CHỨNG TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO**

**( KHI HUYẾT ÁP ỔN ĐỊNH, HATĐ < 140mmHg)**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương.

- Gia giảm theo từng thể bệnh.

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống trước khi ăn 20-30 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày.

**\* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Đan sâm* | *20* |
| *2* | *Đẳng sâm* | *20* |
| *3* | *Xuyên khung* | *20* |
| *4* | *Tang ký sinh* | *20* |
| *5* | *Táo nhân* | *20* |
| *6* | *Tần giao* | *20* |
| *7* | *Khiếm thực* | *16* |
| *8* | *Thạch xương bồ* | *16* |
| *9* | *Đương quy* | *16* |
| *10* | *Bạch truật* | *16* |
| *11* | *Câu đằng* | *16* |
| *12* | *Tục đoạn* | *16* |
| *13* | *Ngưu tất* | *16* |
| *14* | *Bạch linh* | *16* |
| *15* | *Hà thủ ô* | *16* |
| *16* | *Liên nhục* | *16* |
| *17* | *Tế tân* | *12* |
| *18* | *Đổ trọng* | *12* |
| *19* | *Ngủ gia bì* | *12* |
| *20* | *Bạch thược* | *12* |
| *21* | *Sơn tra* | *12* |
| *22* | *Thục địa* | *12* |
| *23* | *Cam thảo* | *08* |
| *24* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1.A thị huyệt

2.Kiên ngung

3.Khúc trì

4.Ngoại quan

5.Bát tà

6.Hoàn khiêu

7.Ân môn

8.Ủy trung

9.Dương lăng tuyền

10.Huyền chung

11.Côn lôn

- Kết hợp thủy châm các huyệt trên. Ngày 3- 5 huyệt, luân chuyển các huyệt trên.

 + VitaminB12 1000mcg

 + Lidocain 0,04g/ 2ml

- Kết hợp phục hồi chức năng chi bị yếu, liệt.

*\*Gia giảm tùy theo vị trí tổn thương của bệnh*

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ VIÊM THẦN KINH VAI GÁY**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương .

 - Gia giảm theo từng thể bệnh.

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống trước khi ăn 30-40 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày.

**\* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Tang ký sinh* | *20* |
| *2* | *Bạch chỉ* | *20* |
| *3* | *Tần giao* | *20* |
| *4* | *Cẩu tích* | *20* |
| *5* | *Khương hoạt* | *20* |
| *6* | *Đẳng sâm* | *20* |
| *7* | *Xuyên khung* | *16* |
| *8* | *Bạch truật* | *16* |
| *9* | *Liên nhục* | *16* |
| *10* | *Phá cổ chỉ* | *16* |
| *11* | *Phòng phong* | *16* |
| *12* | *Bạch linh* | *16* |
| *13* | *Đương quy* | *16* |
| *14* | *Bạch thược* | *16* |
| *15* | *Thần khúc* | *16* |
| *16* | *Hà thủ ô* | *12* |
| *17* | *Sơn tra* | *12* |
| *18* | *Mạch nha* | *12* |
| *19* | *Thạch xương bồ* | *12* |
| *20* | *Ba kích* | *12* |
| *21* | *Quế chi* | *08* |
| *22* | *Cam thảo* | *08* |
| *23* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1.A thị huyệt

2.Giáp tích C­­­­2 🡪 C6

3.Phong môn

4.Phong trì

5.Kiên tỉnh

6.Kiên ngung

7.Thiên tông

8.Ngoại quan

9.Liệt khuyết.

- Kết hợp thủy châm các huyệt trên . Ngày 3- 5 huyệt, luân chuyển các huyệt trên.

 + VitaminB12 1000mcg

 + Lidocain 0,04g 2ml.

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ ĐAU LƯNG**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương .

 - Gia giảm : Theo từng thể bệnh.

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống sau khi ăn 20-30 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày

***\*.* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Đỗ trọng* | *20* |
| *2* | *Độc hoạt* | *20* |
| *3* | *Tục đoạn* | *20* |
| *4* | *Hà thủ ô* | *20* |
| *5* | *Ba kích* | *20* |
| *6* | *Nhục thung dung* | *20* |
| *7* | *Thổ phục linh* | *16* |
| *8* | *Ngưu tất* | *16* |
| *9* | *Ngũ gia bì* | *16* |
| *10* | *Phòng phong* | *16* |
| *11* | *Đẳng sâm* | *16* |
| *12* | *Bạch truật* | *16* |
| *13* | *Bạch thược* | *16* |
| *14* | *Xuyên khung* | *16* |
| *15* | *Đương quy* | *16* |
| *16* | *Khiếm thực* | *16* |
| *17* | *Tần giao* | *12* |
| *18* | *Táo nhân* | *12* |
| *19* | *Liên nhục* | *12* |
| *20* | *Thục địa* | *12* |
| *21* | *Cam thảo* | *08* |
| *22* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1. A thị huyệt
2. Giáp tích
3. Thận du
4. Đại trường du
5. Ủy trung
6. Dương lăng tuyền

7. Thừa sơn

- Kết hợp thủy châm các huyệt trên: Ngày 3- 5 huyệt, luân chuyển các huyệt trên

 + VitaminB12 1000mcg

 + Lidocain 0,04g 2ml.

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ VIÊM THẦN KINH LIÊN SƯỜN**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương .

 - Gia giảm : Theo từng thể bệnh.

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống sau khi ăn 20-30 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày

***\*.* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Phòng phong* | *20* |
| *2* | *Ngũ gia bì* | *20* |
| *3* | *Độc hoạt* | *20* |
| *4* | *Thạch xương bồ* | *20* |
| *5* | *Táo nhân* | *20* |
| *6* | *Đẳng sâm* | *20* |
| *7* | *Bạch truật* | *16* |
| *8* | *Xuyên khung* | *16* |
| *9* | *Đương quy* | *16* |
| *10* | *Bạch thược* | *16* |
| *11* | *Thiên niên kiện* | *16* |
| *12* | *Bạch linh* | *16* |
| *13* | *Độc hoạt* | *16* |
| *14* | *Ba kích* | *16* |
| *15* | *Bạch chỉ* | *12* |
| *16* | *Liên nhục* | *12* |
| *17* | *Kê huyết đằng* | *12* |
| *18* | *í dĩ* | *12* |
| *19* | *Thục địa* | *12* |
| *20* | *Trần bì* | *08* |
| *21* | *Hồng hoa* | *12* |
| *22* | *Cam thảo* | *08* |
| *23* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1.A thị huyệt

2.Chương môn

3.Kỳ môn

4.Nhật nguyệt

5.Huyền chung

6.Dương lăng tuyền

- Kết hợp thủy châm các huyệt trên:

 + VitaminB12 1000mcg

 + Lidocain 0,04g 2ml.

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ SUY NHƯỢC THẦN KINH**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương .

 - Gia giảm : Theo từng thể bệnh.

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống trước khi ăn 30-40 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày

***\*.* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Táo nhân* | *20* |
| *2* | *Viễn chí* | *20* |
| *3* | *Phá cổ chỉ* | *20* |
| *4* | *Thỏ ty tử* | *20* |
| *5* | *Liên nhục* | *20* |
| *6* | *Tam thất* | *20* |
| *7* | *Thạch xương bồ* | *16* |
| *8* | *Đẳmg sâm* | *16* |
| *9* | *Bạch truật* | *16* |
| *10* | *Bạch thược* | *16* |
| *11* | *Xuyên khung* | *16* |
| *12* | *Đương quy* | *16* |
| *13* | *Kê huyết đằng* | *12* |
| *14* | *Bạch linh* | *12* |
| *15* | *Haòi sơn* | *12* |
| *16* | *Nhục thung dung* | *12* |
| *17* | *Hà thủ ô* | *12* |
| *18* | *Hoàng kỳ* | *12* |
| *19* | *Thục địa* | *12* |
| *20* | *Cam thảo* | *08* |
| *21* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1.Bách hội

2.Tứ thần thông

3.Thượng tinh

4.Thần đình

5.Nội quan

6.Thần môn

7. Đại lăng

8. Ấn đường

9.Tỳ du

 10.Tâm du.

- Kết hợp thủy châm các huyệt trên:

 + VitaminB12 1000mcg

 + Lidocain 0,04g 2ml.

**PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ LIỆT THẦN KINH VII NGOẠI BIÊN**

Phương thuốc : Đối pháp lập phương .

 - Gia giảm : Theo từng thể bệnh.

* Ngày 01 thang sắc uống chia 2- 3 lần / ngày.
* Uống thuốc sau khi ăn 30-40 phút.
* Một đợt điều trị từ 7-15 ngày

***\*.* Bài thuốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *TÊN THUỐC* | *HÀM LƯỢNG**(gam)* |
| *1* | *Phòng phong* | *20* |
| *2* | *Tần giao* | *20* |
| *3* | *Đẳng sâm* | *20* |
| *4* | *Bạch truật* | *20* |
| *5* | *Táo nhân* | *20* |
| *6* | *Đương quy* | *16* |
| *7* | *Xuyên khung* | *16* |
| *8* | *Hà thủ ô* | *16* |
| *9* | *Hoàng kỳ* | *16* |
| *10* | *Ba kích* | *16* |
| *11* | *Mạch nha* | *16* |
| *12* | *Thạch xương bồ* | *16* |
| *13* | *Thiên niên kiện* | *12* |
| *14* | *Liên nhục*  | *12* |
| *15* | *Thần khúc* | *12* |
| *16* | *Sơn thù nam* | *12* |
| *17* | *Bạch linh* | *12* |
| *18* | *Viễn chí* | *12* |
| *19* | *Cẩu ky tử* | *12* |
| *20* | *Quế chi* | *08* |
| *21* | *Thục địa* | *12* |
| *22* | *Cam thảo* | *08* |
| *23* | *Đại táo* | *10* |

**Điện châm các huyệt:**

1.A thị huyệt

2.Toán trúc

3.Tình minh

4.Thừa khấp

5.Quyền liêu

6.Nhân trung

7. Thừa tương

8. Địa tương

9.Giáp xa

 10.Ngoại quan.

- Kết hợp thủy châm các huyệt trên:

 + VitaminB12 1000mcg

 + Lidocain 0,04g 2ml.